

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Q. THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 04/9/2024

V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Bảo Huyền Trân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Nhớ
- Ông Phạm Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Yên Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Vũ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 09 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 140/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 04 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 140/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Lương Quang V**, sinh năm: 1971.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Vĩnh Y**, sinh năm: 1975. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: **K đường P, tổ C, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, bản trình bày và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – ông **Lương Quang V** trình bày: Ông và bà **Y** đã từng ly hôn đến năm 2021 đăng ký kết hôn tại **UBND phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng** và cùng nhau sống tại **tổ C, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng**. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bà **Y** đi làm ăn xa, bỏ bê gia đình, không quan tâm đến con cái, tính tính và quan điểm sống của ông bà không hợp nhau, vợ chồng không có sự tôn trọng lẫn nhau nên thường

xuyên xảy ra cãi vã. Nay ông V thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng nên ông V yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Y.

Về con chung: Ông Lương Quang V xác định ông và bà Y có 02 (hai) con chung là: Lương Nguyễn Quyên A, sinh ngày: 10/07/2003 và Lương Minh H, sinh ngày: 11/07/2006. Ly hôn, ông V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con Minh H và không yêu cầu bà Y cấp dưỡng nuôi con. Con chung Lương Nguyễn Quyên A đã trưởng thành nên không đề cập đến.

Về tài sản chung: Ông Lương Quang V xác định tự thoả thuận không yêu cầu toà án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Lương Quang V xác định không có.

** Tòa án đã nhiều lần gửi văn bản và triệu tập bà Nguyễn Thị Vĩnh Y nhưng bà Y không gửi văn bản trình bày ý kiến cũng như không có mặt theo giấy triệu tập. Vì vậy bà Y không có lời khai trong hồ sơ vụ án.*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm: Việc Tòa án nhân dân quận Thanh Khê thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền; việc tuân theo pháp luật tố tụng đã xác định Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn vẫn vắng mặt lần hai đã không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xử cho ông Lương Quang V được ly hôn với bà Nguyễn Thị Vĩnh Y. Hai con chung đã trưởng thành nên không đề cập đến. Tài sản chung tự thoả thuận, không yêu cầu toà án giải quyết và nợ chung xác định không có. Án phí HNGĐ-ST ông Lương Quang V phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về thủ tục tố tụng:*

[1] Đây là vụ án hôn nhân gia đình tranh chấp về “Ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn là bà Nguyễn Thị Vĩnh Y có địa

chỉ cư trú tại K đường P, tổ C phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Vĩnh Y nhưng bà Y vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Y.

* Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2019, ông Lương Quang V và bà Nguyễn Thị Vĩnh Y thuận tình ly hôn theo Quyết định số 409/2019/QĐST – HNGĐ ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Năm 2021, ông V và bà Y đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân tự nguyện. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông V và bà Y là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, ông V xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Vĩnh Y. Ông V cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, cách suy nghĩ nên vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc.

Hội đồng xét xử xét yêu cầu của đương sự thì thấy: Mọi quan hệ hôn nhân chỉ thực sự tồn tại khi cả hai vợ chồng cùng yêu thương, cùng nhau xây đắp gia đình, cùng nhau có trách nhiệm, chăm sóc cũng như tạo mọi điều kiện cho nhau trong cuộc sống. Trong quá trình chung sống, ông V và bà Y có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có sự quan tâm cần thiết. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tổ chức hòa giải tạo điều kiện để vợ chồng ông bà trở về đoàn tụ, nhưng bà Y đều vắng mặt, điều này chứng tỏ bà Y không có thiện chí đoàn tụ gia đình. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn kiên quyết yêu cầu Tòa án cho ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về quan hệ con chung: Ông Lương Quang V xác định ông và bà Nguyễn Thị Vĩnh Y có 02 (hai) con chung là: Lương Nguyễn Quyên A, sinh ngày: 10/07/2003 và Lương Minh H, sinh ngày: 11/07/2006.

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, ông V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Minh H, ông V không yêu cầu bà Y cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, ông **V** xác định con chung **Lương Minh H**, sinh ngày: 11/07/2006 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Con chung Lương **Nguyễn Quyên A** đã trưởng thành nên không đề cập đến.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông **V** xác định không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Trường hợp sau này có tranh chấp thì khởi kiện bằng vụ án dân sự khác để giải quyết.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ nguyên đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Lương Quang V** đối với bà **Nguyễn Thị Vĩnh Y** về việc "Ly hôn".

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông **Lương Quang V** được ly hôn bà **Nguyễn Thị Vĩnh Y**.

- Về con chung: Hai con chung **Lương Nguyễn Quyên A1**, sinh ngày: 10/07/2003 và **Lương Minh H**, sinh ngày: 11/07/2006. Các con chung Lương **Nguyễn Quyên A1** và **Lương Minh H** đã trưởng thành nên không đề cập đến.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) ông **Lương Quang V** phải chịu được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0001121 ngày 23 tháng 4 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Ông **Lương Quang V** đã nộp đủ tiền án phí.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện KSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- UBND phường Thạc Gián, quận Thanh Khê thành phố Đà Nẵng (Giấy CNKH số 72, ngày 30/12/2021);
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lê Bảo Huyền Trân